

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 891/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2019

Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Kim Hồng;
2. Ông Ngô Hữu Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 644/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/9/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngọc H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 231A đường N, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1982; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số 61 đường T, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi làm việc: Trường A, Khu dân cư L, số 147, đường X, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc H xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Nguyễn Anh T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận L, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154/Quyển số 01/2012 ngày 15/10/2012.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc, giáo dục con chung, cả hai đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vợ chồng đã ly thân gần một năm nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà H yêu cầu Tòa án Quận 7 giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung họ tên: Nguyễn Anh Vũ N, sinh ngày 21/12/2005 và trẻ Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/11/2013. Nguyên vọng của bà là sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 (hai) con chung. Ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Anh Vũ N mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Minh L mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2019 ông Nguyễn Anh T trình bày :

Ông và bà Vũ Thị Ngọc H qua thời gian tìm hiểu cả hai tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, không có phương án khắc phục. Ông xác định không còn tình cảm với bà H. Mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Anh Vũ N, sinh ngày 21/12/2005 và trẻ Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/11/2013.

Trường hợp bà H thay đổi chỗ ở và môi trường học tập của các con chung ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ. Trường hợp bà H không thay đổi chỗ ở ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến***

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng

cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* Về án phí hôn nhân gia đình: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Qua xem xét nội dung vụ án thì đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo Công văn số 191/2019/HRD-CV ngày 24/10/2019 của Công ty E – Trường A thì hiện hay ông Nguyễn Anh T đang công tác tại Trường A, Khu dân cư L, số 147, đường X, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng lao động số 020017/2019/HRD/HĐLĐ – NL ký kết với Công ty E ngày 24/6/2019. Do ông T hiện đang có nơi làm việc tại Quận 7, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3 Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Anh T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường N, quận L, Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/10/2012, xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà H khởi kiện ly hôn, ông T đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 17, quyển số 01 đăng ký ngày 10/01/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận L, Thành phố Hà Nội và Giấy khai sinh số 418 quyển số 03/2013 đăng ký ngày 26/11/2013 tại Ủy ban nhân dân phường N quận L, Thành phố Hà Nội và lời khai của đương sự đã có đủ cơ sở để kết luận: Bà H và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Anh Vũ N, sinh ngày 21/12/2005 và trẻ Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/11/2013.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai trẻ đang sống chung với mẹ. Trẻ Nguyễn Anh Vũ N có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Ông T cũng đồng ý giao 02 trẻ cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo tâm lý ổn định cho trẻ nên Hội đồng xét xử ghi nhận và giao 02 (hai) con chung cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ N mỗi tháng 5.000.000 đồng và cấp dưỡng nuôi trẻ L mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông T đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 020017/2019/HRD/HĐLĐ – NL ông T ký kết với Công ty Cổ phần E ngày 24/6/2019 thì mức lương chính mà ông T được nhận hàng tháng là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Đối với trẻ N, theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp, trẻ N hiện nay đang điều trị bệnh Thalassemia, hàng tháng cháu cần được truyền máu và đã được điều trị trong 14 năm qua, mỗi đợt điều trị từ 08 đến 15 ngày. Hiện nay cháu còn bị viêm gan C do việc điều trị lâu dài do đó với mức cấp dưỡng 5.000.000 (năm triệu) đồng bà H yêu cầu là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với trẻ L, mặc dù bà H cho rằng hàng tháng chi phí đóng tiền học hết 3.000.000 (ba triệu) đồng, tiền học ngoại khóa, tiền quỹ, tiền phí phải nộp, tiền gửi

trông nom mỗi khi bà H đưa trẻ N đi bệnh viện điều trị...Tuy nhiên, như nhận định ở trên, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của cả cha và mẹ do đó Hội đồng xét xử nhận thấy với mức cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng mà ông T đề nghị là phù hợp.

Việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 01/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung: Đương sự xác định không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Đương sự xác nhận không có nên không xét.

3. Về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Xử:

- Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc H và bị đơn ông Nguyễn Anh T.

- Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Anh T ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Anh Vũ N, sinh ngày 21/12/2005 và trẻ Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/11/2013. Giao trẻ N và trẻ L cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi trẻ N mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng và cấp dưỡng nuôi trẻ L mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu)

đồng. Việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 01/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm bà Vũ Thị Ngọc H phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0031616 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương